

Bản án số: 97/2023/DS-ST

Ngày: 28 - 7 - 2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
dân sự”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng.

Địa chỉ: Tầng 5, CR3 – 05, 109 Tôn Dật Tiên, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Hoàng Văn Trợ, sinh năm 1981;

2/ Bà Trần Thị Ngọc Dung, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: 113/14B, đường số 11, khu phố 4, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

(Nội dung ủy quyền có thể cả hai người cùng đồng thời tham gia hoặc một trong hai người tham gia)

- Bị đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 166/62, tổ 18, khu phố 5A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

(Đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn xin vắng mặt).

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Dung trình bày:

Ngày 20/08/2019, bà Dương Thị T (sau đây viết tắt là bà T) đã làm Đơn xin làm đại lý bảo hiểm với mong muốn gia nhập Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng (viết tắt là Công ty).

Sau khi xem xét hồ sơ, ngày 20/8/2019, Công ty và bà T đã ký Hợp đồng đại lý, bà T chính thức trở thành đại lý của Công ty, đại diện cho Công ty để thực hiện các hoạt động đại lý bảo hiểm, giới thiệu sản phẩm bảo hiểm của Công ty và chào bán các sản phẩm bảo hiểm của Công ty cho các khách hàng tiềm năng. Đồng thời, theo Hợp đồng đại lý này, Công ty sẽ chi trả tiền hoa hồng căn cứ trên các sản phẩm bảo hiểm mà bà T bán được (“tiền hoa hồng”).

Cũng trong ngày 20/8/2019, Công ty và bà T đã ký Hợp đồng Quản lý đại lý, bà T sẽ thực hiện việc quản lý các hoạt động của các đại lý bảo hiểm bên dưới (trong đội nhóm dưới quyền của bà T), để hỗ trợ và đôn đốc các đại lý bên dưới này thực hiện việc giới thiệu sản phẩm bảo hiểm của Công ty và chào bán các sản phẩm bảo hiểm của Công ty cho các khách hàng tiềm năng. Theo Hợp đồng Quản lý đại lý này, Công ty sẽ chi trả thêm cho bà T một khoản tiền thưởng quản lý.

Trong ngày 20/8/2019, Công ty và bà T cũng đồng thời ký Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh dành cho trưởng khu vực kinh doanh (DM) (“Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh” hoặc “Thỏa thuận”). Theo đó, bà T sẽ nhận được khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt, nếu đáp ứng một số điều kiện kèm theo. Tại bản Thỏa thuận này bà T đã đồng ý và cam kết hoàn trả lại cho Công ty toàn bộ các khoản hỗ trợ tài chính đã nhận trong trường hợp:

I. Trường hợp DM thay đổi chức vụ vì bất kỳ lý do gì trong vòng 18 (*Mười tám*) tháng kể từ ngày nhận khoản Hỗ trợ tài chính lần sau cùng, DM có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty toàn bộ các khoản hỗ trợ tài chính đã nhận nếu DM đạt dưới 06 tháng Hỗ trợ tài chính.

II. Trường hợp DM chấm dứt/bị chấm dứt Hợp đồng Đại lý/Hợp đồng Quản lý đại lý với Công ty vì bất kỳ lý do gì trong vòng 18 (*Mười tám*) tháng kể từ ngày nhận khoản Hỗ trợ tài chính lần sau cùng, DM có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty toàn bộ các khoản hỗ trợ tài chính đã nhận.

DM đồng ý hoàn trả các khoản hỗ trợ tài chính này trước khi chấm dứt Hợp đồng đại lý/Hợp đồng Quản lý Đại lý với Công ty, việc hoàn trả được thực hiện theo yêu cầu và thông báo của Công ty.

Trên thực tế, bà T đã cộng tác với Công ty theo các Hợp đồng/thỏa thuận đã ký kết nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 20/8/2019 đến ngày 02/7/2020, Công ty đã chi trả cho bà T tổng cộng 07 lần, với số tiền là 370.272.522 đồng (*Ba trăm bảy mươi triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm hai mươi hai đồng*), trong đó:

- + Tiền hoa hồng và Tiền thưởng quản lý: 100.272.522 đồng
- + Khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt: 270.000.000 đồng.

Sau đó, từ tháng 02/2020 đến tháng 07/2020, bà T đã không thực hiện bất kỳ hoạt động đại lý nào cho Công ty, cũng không bán được bất kỳ sản phẩm bảo hiểm nào; đồng thời bà không thực hiện hoạt động quản lý đội nhóm. Chính vì vậy, vào tháng 07/2020, Công ty đã quyết định đình chỉ Hợp đồng đại lý với bà T (chấm dứt Hợp đồng) vào ngày 02/7/2020. Việc chấm dứt Hợp đồng đại lý này của Công ty đối với bà T là căn cứ vào điều khoản Hợp đồng đại lý đã ký kết giữa 02 bên, cụ thể là: *Điều 16.2: Công ty có quyền chấm dứt Hợp đồng đại lý khi: “Đại lý bảo hiểm không đáp ứng một hoặc các điều kiện duy trì hoạt động tư vấn bảo hiểm theo quy định tại Hợp đồng này, các phụ lục của Hợp đồng này và các quy định của Công ty tại từng thời điểm”.*

Kết quả hoạt động của bà T rất tệ trong giai đoạn từ 02/2020 đến tháng 07/2020, doanh số gần như bằng 0. Căn cứ vào quy chế của Công ty (được thể hiện trong Hợp đồng đại lý bảo hiểm, chính sách thăng tiến và duy trì Hợp đồng đại lý/Hợp đồng quản lý đại lý của Công ty), nếu một đại lý bảo hiểm bất kỳ mà trong 3 tháng liên tục không bán được 01 Hợp đồng bảo hiểm nào thì Công ty sẽ ra quyết định chấm dứt Hợp đồng đại lý.

Căn cứ trên việc Hợp đồng đại lý bị chấm dứt vào tháng 07/2020, bà T đã không đủ điều kiện để nhận khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt theo (“Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh đã ký ngày 20/8/2019).

Vì vậy, bà T có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty khoản tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt đã nhận là 266.960.585 đồng (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng*) (đây là số tiền 270.000.000 đồng sau khi đã trừ đi khoản quỹ đảm bảo ban đầu mà công ty đang giữ của bà T là 3.039.415 đồng).

Mặc dù, từ năm 2020 đến nay, Công ty đã nhiều lần gửi thư yêu cầu, liên hệ và trao đổi với bà T về việc thanh toán lại cho Công ty khoản tiền trên nhưng bà T vẫn không có thiện chí hoàn trả. Vì vậy, nay Công ty yêu cầu bà T hoàn trả cho Công ty khoản tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt theo Thỏa thuận đã ký là 266.960.585 đồng (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng*). Đối với đề nghị được thanh toán dần của bà T thì Công ty không đồng ý. Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

***Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Dương Thị T trình bày:***

Bà là người đã trực tiếp ký vào các hợp đồng như Hợp đồng đại lý Bảo hiểm, hợp đồng quản lý đại lý Bảo hiểm và thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh đề nghị làm đại lý bảo hiểm với Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng như nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trình bày là đúng. Trong quá trình làm việc bà đã nhận từ công ty khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt với số tiền 266.960.585 đồng (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng*).

Bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý hoàn trả cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng số tiền 266.960.585 đồng (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng*). Tuy nhiên, hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà đề nghị được trả dần mỗi tháng từ 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) đến 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) mỗi tháng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng, buộc bà Dương Thị T phải hoàn trả số tiền 266.960.585 đồng (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng*). Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng dân sự” theo quy định tại Khoản 3, Điều 26 BLTTDS. Bị đơn bà Dương Thị T hiện đang cư trú tại phường Trảng Dài, thành phố B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng thấy:

Nguyên đơn, Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Dương Thị T phải hoàn trả cho Công ty khoản tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt theo Thỏa thuận đã ký giữa các bên là 266.960.585 đồng (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng*). Yêu cầu bà T thanh toán một lần toàn bộ số tiền nêu trên, không đồng ý đề nghị thanh toán dần.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Dương Thị T thống nhất với toàn bộ phần trình bày của nguyên đơn về nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà T đồng ý hoàn trả cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng số tiền 266.960.585 đồng (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn,*

*năm trăm tám mươi lăm đồng*). Tuy nhiên, hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà đề nghị được trả dần mỗi tháng từ 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) đến 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Như vậy, bị đơn đã thừa nhận nợ và đồng ý hoàn trả số tiền nợ. Tuy nhiên, các bên không thống nhất được phương án trả nợ.

Từ nhận định trên, căn cứ vào các Điều 385, 400, 401, 403, 422, 424, 427, khoản 2 Điều 428 của Bộ luật dân sự 2015 và ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Dương Thị T phải hoàn trả cho Công ty cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng số tiền 266.960.585 đồng (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng*).

[4] Về án phí DSST: Bị đơn bà Dương Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 385, 400, 401, 403, 424, 427, khoản 2 Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng.

Buộc bà Dương Thị T phải hoàn trả cho Công ty cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng số tiền 266.960.585 đồng (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng*).

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hết các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

#### **2. Về án phí:**

- Bà Dương Thị T phải chịu 13.348.000 đồng (*Mười ba triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng số tiền 6.674.000 đồng (*Sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số 0000943 ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**3. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Thúy**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Thúy**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phan Thị lệ Phong vắng mặt tại phiên thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Thanh Xuân**